

PHỤ LỤC

Báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và các nghị quyết của Quốc hội, gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng 2 con số; tình hình triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku

(Kèm theo Công văn số: /UBND-NC ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

A. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG, KẾT LUẬN SỐ 18-KL/TW NGÀY 02/4/2026 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA XIV VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI GẮN VỚI THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ¹

I. Tình hình triển khai thực hiện

1. Tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định mục tiêu xây dựng Gia Lai trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước, phát huy không gian phát triển mới sau sáp nhập, tạo chuyển biến mạnh mẽ về quy mô, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Trên cơ sở đó, tỉnh xác định mục tiêu tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10% đến 10,5%, phù hợp tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW.

Giai đoạn 2020 - 2025, mặc dù chịu tác động của thiên tai, dịch bệnh và biến động kinh tế trong nước, quốc tế, tỉnh vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng ổn định. **Tốc độ tăng GRDP bình quân giai đoạn đạt 6,71%/năm.** GRDP bình quân đầu người năm 2025 ước đạt 3.555 USD; Quy mô GRDP theo giá hiện hành năm 2025 đạt 270.698 tỷ đồng, xếp thứ 3/6 địa phương khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đứng thứ 18/34 tỉnh, thành phố cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng và khu vực dịch vụ. Đến cuối năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 28,84%; công nghiệp – xây dựng chiếm 28,62%; dịch vụ chiếm 38,60%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,93%. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hằng năm đều vượt dự toán được giao; riêng năm 2025 đạt trên 28.500 tỷ đồng, tăng trên 22% so với cùng kỳ, vượt trên 35% dự toán Trung ương giao. Tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm duy trì ở mức cao, đạt 100% kế hoạch Trung ương giao, thuộc nhóm các địa phương có kết quả giải ngân tốt trong cả nước. Kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt, vượt kế hoạch giao, năm 2025 đạt 3,450 tỷ USD, tăng khoảng 15% so với cùng kỳ và vượt khoảng 20% so với kế hoạch.

Quý I năm 2026, tỉnh đã bám sát chủ đề điều hành năm 2026 của Chính phủ,

¹ Công văn số 5497/UBND-XDCT ngày 05/5/2026 của UBND tỉnh Gia Lai.

tập trung chỉ đạo quyết liệt ngay từ đầu năm. Kết quả, GRDP ước tăng 8,51% so với cùng kỳ, xếp thứ 16 cả nước và thứ nhất trong 06 địa phương vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Một số chỉ tiêu, kết quả nổi bật gồm: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) quý I tăng 8,74%; trong quý I/2026 có 30 dự án với tổng vốn đầu tư 6.900,5 tỷ đồng đi vào hoạt động, trong đó có 07 dự án trọng điểm với tổng vốn đầu tư 6.284 tỷ đồng; thu ngân sách đạt 10.822 tỷ đồng, đạt 38,8% dự toán năm, tăng 71,2% so với cùng kỳ; các hoạt động thương mại, dịch vụ, văn hóa, thể thao và đặc biệt là Tuần lễ khai mạc Năm Du lịch Quốc gia 2026 được tổ chức thành công góp phần thu hút 4,25 triệu lượt khách du lịch đến tỉnh, tăng 14% so với cùng kỳ; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 13% so với cùng kỳ... Văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, an sinh xã hội tiếp tục được quan tâm chỉ đạo; quốc phòng, an ninh tiếp tục được giữ vững, trật tự an toàn xã hội ổn định. Tổ chức bộ máy chính quyền hai cấp tiếp tục vận hành ổn định, thông suốt. Phối hợp tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1.2.1. Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh và UBND tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các kịch bản tăng trưởng, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng 02 con số. Việc quán triệt được thực hiện gắn với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, phát huy khát vọng phát triển, khai thác tối đa dư địa tăng trưởng sau sáp nhập và bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các nghị quyết, chương trình hành động của Chính phủ, nhất là Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, Tỉnh ủy Gia Lai đã ban hành Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 23/3/2026 nhằm cập nhật, cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết Đại hội XIV gắn với điều kiện thực tiễn của tỉnh sau sáp xếp đơn vị hành chính. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 30/3/2026 triển khai Nghị quyết số 41/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, bảo đảm sự thống nhất, xuyên suốt trong tổ chức thực hiện.

Để chủ động thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 99/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 và Quyết định số 100/QĐ-UBND về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 cho các sở ngành và 135 xã, phường của tỉnh; Sau đó, Tỉnh đã chủ động rà soát, điều chỉnh hệ thống chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 06/3/2026 để cập nhật các chỉ tiêu,

số liệu năm 2026, đồng thời chỉ đạo điều chỉnh, phân rõ mục tiêu cho từng ngành, lĩnh vực và địa phương, gắn với kịch bản tăng trưởng cụ thể theo từng quý, từng giai đoạn theo yêu cầu tăng trưởng mới, phù hợp với Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ: Cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026- 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”.

1.2.2. Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng

Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới hoặc bãi bỏ các văn bản quy phạm luật, văn bản quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, góp phần tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế trong các lĩnh vực. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, tỉnh đã tập trung triển khai nhiệm vụ rà soát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai ban hành (trước sắp xếp). Theo đó, HĐND tỉnh đã ban hành 86 nghị quyết²; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 124 quyết định³. Tổng số văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai ban hành trước sắp xếp cần phải xử lý là 1.152 văn bản; trong đó: đã hoàn thành việc xử lý 861 văn bản, còn lại 291 văn bản chưa xử lý (gồm có: 62 nghị quyết và 229 quyết định).

Tỉnh đẩy mạnh rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách; tập trung cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đáng chú ý, tỉnh đã rà soát 100% thủ tục hành chính và thực hiện cắt giảm bình quân 55,15% thời gian giải quyết so với bộ thủ tục công bố, vượt 25,15% so với chỉ tiêu Chính phủ giao. Trong lĩnh vực đất đai - đầu tư, tỉnh đã thực hiện giải quyết liên thông nhiều thủ tục liên quan, rút ngắn toàn bộ thời gian xử lý từ 242 ngày xuống còn 60 ngày đối với dự án ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp và từ 145 ngày xuống 38 ngày đối với dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

Đồng thời UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp biên tập Sổ tay “Hỏi - Đáp pháp luật về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh” năm 2026 với các nội dung pháp luật về: Thuế thu nhập doanh nghiệp, đăng ký doanh nghiệp, một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân... và tổng hợp nhu cầu về lĩnh vực pháp luật cần được tập huấn, bồi dưỡng liên quan đến công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp gia nhập thị trường, đóng góp cho tăng trưởng.

1.2.3. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới

Trong bối cảnh yêu cầu tăng trưởng cao và bền vững, tỉnh Gia Lai xác định

² Năm 2024 ban hành 42 nghị quyết quy phạm pháp luật, năm 2025 ban hành 44 nghị quyết quy phạm pháp luật.

³ Năm 2024 ban hành 91 quyết định quy phạm pháp luật, năm 2025 ban hành 33 quyết định quy phạm pháp luật.

việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là giải pháp có tính nền tảng, giữ vai trò quyết định trong việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế.

Trên cơ sở Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 41/NQ-CP của Chính phủ và các chương trình, đề án đã ban hành, tỉnh tập trung triển khai mô hình tăng trưởng mới gắn với tái cấu trúc không gian phát triển theo hướng “cao nguyên – duyên hải – biên giới”, trong đó khoa học công nghệ và chuyển đổi số đóng vai trò xuyên suốt trong tất cả các ngành, lĩnh vực. Cụ thể:

- *Đối với khu vực phía Đông (duyên hải)*: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, điện tử, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và công nghiệp số; hình thành Khu công nghệ thông tin tập trung, các khu công nghiệp công nghệ cao, trung tâm dữ liệu, logistics số gắn với cảng biển, sân bay và hạ tầng giao thông chiến lược. Đây là khu vực đóng vai trò hạt nhân hình thành các ngành kinh tế mới, tạo giá trị gia tăng lớn và dẫn dắt tăng trưởng của tỉnh.

- *Đối với khu vực phía Tây (cao nguyên)*: Đây mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến và năng lượng tái tạo; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp số; hình thành các vùng nguyên liệu lớn gắn với chế biến sâu, nâng cao giá trị sản phẩm và hiệu quả sử dụng tài nguyên.

- *Đối với khu vực biên giới*: Từng bước ứng dụng công nghệ trong phát triển thương mại biên giới, logistics và dịch vụ; khai thác hiệu quả hành lang kinh tế Đông – Tây, thúc đẩy giao thương với các nước trong khu vực.

Song song đó, tỉnh tập trung triển khai các đề án trọng tâm về phát triển công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng; thúc đẩy hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với doanh nghiệp và thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Việc phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số được gắn chặt với thu hút đầu tư các dự án công nghệ cao, phát triển kinh tế số, thương mại điện tử, dịch vụ số và các mô hình sản xuất thông minh; từng bước hình thành các ngành kinh tế mới có năng suất và giá trị gia tăng cao. Tỉnh đã đẩy mạnh công tác xúc tiến, thu hút đầu tư và triển khai các dự án đầu tư trên lĩnh vực Khoa học và Công nghệ cụ thể như:

- Dự án Tổ hợp Trung tâm nghiên cứu, sản xuất và đào tạo chuyên gia công nghệ FPT Software của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phần mềm FPT Quy Nhơn với tổng mức đầu tư hơn 2.759 tỷ đồng;

- Dự án Trung tâm trí tuệ nhân tạo - Đô thị phụ trợ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Trí tuệ nhân tạo Quy Nhơn với tổng mức đầu tư hơn 4.362 tỷ đồng;

- Dự án Công viên sáng tạo TMA (TMA Innovation Park) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giải pháp phần mềm Tường Minh Bình Định với tổng mức đầu tư

hơn 220 tỷ đồng. Dự án này, UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định công nhận khu chức năng là khu công nghệ số tập trung.

Mục tiêu đến năm 2030, kinh tế số đóng góp khoảng 30% GRDP; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đóng góp khoảng 50% mức tăng trưởng kinh tế của tỉnh, trở thành động lực chủ yếu để Gia Lai đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026–2030.

1.2.4. Thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, chống khủng hoảng kinh tế; khơi thông và đa dạng hoá các chuỗi cung ứng, kênh dẫn vốn

Tỉnh bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; công tác thu - chi ngân sách được điều hành chặt chẽ; giải ngân vốn đầu tư công nhiều năm đạt 100% kế hoạch Trung ương giao. Hệ thống tín dụng tiếp tục ổn định, hỗ trợ cho tăng trưởng. Riêng đến ngày 31/3/2026, tổng dư nợ trên địa bàn đạt 258.163 tỷ đồng, tăng 1,0% so với cuối năm 2025; trong đó dư nợ cho vay khu vực kinh tế tư nhân đạt khoảng 249.000 tỷ đồng, chiếm 96,5% tổng dư nợ; dư nợ cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt khoảng 42.500 tỷ đồng, chiếm 16,5% tổng dư nợ và tăng 8,3% so với cuối năm 2025. Trong thời gian qua, một số chương trình, chính sách tín dụng đã được triển khai và ghi nhận kết quả khá tích cực, cụ thể:

- Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản (gói 185.000 tỷ đồng): Doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình là 9.915 tỷ đồng với 563 lượt khách hàng được giải ngân, dư nợ đến 31/3/2026 đạt 1.667 tỷ đồng.

- Chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo, xây dựng lại chung cư theo Nghị quyết 33/NQ-CP và Chương cho vay cho người trẻ dưới 35 tuổi mua nhà ở xã hội (nguồn từ chương trình cho vay theo Nghị quyết 33/NQ-CP): Hiện nay, trên địa bàn đang thực hiện cho vay đối với 05 dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động, doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình là 72 tỷ đồng (trong đó cho vay người trẻ dưới 35 tuổi là 54 tỷ đồng), tổng dư nợ đến 31/3/2026 đạt 64 tỷ đồng (dư nợ người trẻ dưới 35 tuổi là 44 tỷ đồng).

- Chương trình tín dụng đầu tư hạ tầng điện, giao thông, công nghệ chiến lược (500.000 tỷ đồng): Hiện nay, các Ngân hàng thương mại đang tích cực triển khai và bám sát các danh mục dự án do các Bộ ngành cung cấp để hỗ trợ các nhà đầu tư tiếp cận chương trình. Tuy nhiên, đến 31/3/2026 tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn chưa phát sinh dư nợ đối với Chương trình này.

Chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước năm 2030 đạt trên 41.000 tỷ đồng; thu nội địa giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến đạt khoảng 154.789 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 92,2%, tăng 47,8% so với giai đoạn 2021–2025, trong đó đến năm 2030 đạt khoảng 39.264 tỷ đồng. Để bảo đảm thực hiện mục tiêu này, tỉnh đã chủ động xây dựng kịch bản thu ngân sách chi tiết theo từng năm, từng lĩnh vực, từng sắc thuế, phí, gắn với dự báo tăng trưởng kinh tế và tiến độ triển khai các dự án đầu tư. Đồng thời,

tỉnh xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển quỹ đất, tăng cường quản lý, khai thác hiệu quả nguồn thu từ đất, bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các nghĩa vụ tài chính liên quan, góp phần tạo nguồn lực bền vững cho ngân sách địa phương.

1.2.5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng

Sau sáp nhập, tỉnh Gia Lai có quy mô diện tích trên 21.576 km², dân số trên 3,5 triệu người, trở thành một trong những địa phương có không gian phát triển rộng lớn, đa dạng và giàu tiềm năng của cả nước. Tỉnh hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, hạ tầng giao thông và khả năng liên kết vùng, với hệ thống giao thông đa phương thức gồm đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường biển; đặc biệt có các trục động lực quan trọng như cao tốc Bắc – Nam, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 14, Quốc lộ 19, tuyến đường sắt Bắc – Nam; hai cảng hàng không Pleiku và Phù Cát; cùng hệ thống cảng biển, trung tâm logistics đang được đầu tư phát triển mạnh mẽ. Trên cơ sở đó, tỉnh xác định tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, lấy hạ tầng giao thông làm khâu đột phá; đồng thời tập trung đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, hạ tầng thủy lợi, hạ tầng đô thị và hạ tầng số nhằm nâng cao năng lực kết nối nội tỉnh, liên vùng và quốc tế, tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh, bền vững.

Trong giai đoạn tới, tỉnh sẽ đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển, nhất là nguồn vốn từ khu vực tư nhân, doanh nghiệp và các nhà đầu tư trong, ngoài nước; đồng thời nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách đủ mạnh, mang tính đột phá để khơi thông và thu hút hiệu quả các nguồn lực cho phát triển hạ tầng. Cụ thể:

+ Về phát triển đô thị, trung tâm hành chính và nhà ở: UBND tỉnh sẽ phát triển mô hình đô thị TOD tại khu vực các ga đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam trên địa bàn tỉnh; bên cạnh đó, tỉnh sẽ tập trung đầu tư phát triển các khu đô thị, dịch vụ lớn, đô thị thông minh, khu du lịch lớn mang tầm quốc tế với không gian hướng biển kết hợp các loại hình dịch vụ biển, từng bước định vị Quy Nhơn trở thành điểm đến du lịch hàng đầu thế giới trong tương lai. Cụ thể hóa định hướng đó, thời gian qua, tỉnh Gia Lai đã triển khai và kêu gọi các Nhà đầu tư có tiềm lực mạnh tiến hành đầu tư một số khu đô thị như: Khu đô thị, dịch vụ du lịch nổi đầm Đê Gi; Khu đô thị Tây đầm Thị Nại; khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng quốc tế biển – núi Vũng Chua; Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội; các dự án của Sun Group. Trong thời gian đến tiếp tục rà soát, bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển khoảng 18.392 căn nhà ở xã hội, vượt chỉ tiêu đến năm 2030 mà Thủ tướng Chính phủ đã giao. Về trụ sở các Cơ quan nhà nước và Trung tâm hành chính mới của tỉnh: với định hướng quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính mới của tỉnh Gia Lai dự kiến đặt tại Khu kinh tế Nhơn Hội, sẽ hình thành nhu cầu đầu tư xây dựng tổ hợp trụ sở làm việc cấp tỉnh và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ vận hành đồng bộ, đáp ứng yêu cầu bố trí, sắp xếp nơi làm việc tập trung cho các cơ quan cấp tỉnh. Tỉnh triển khai dự án di chuyển Trường bắn để tạo quỹ đất phát triển Khu đô thị

sân bay Phù Cát.

+ Về hạ tầng giao thông, Gia Lai là một trong số ít địa phương sở hữu đầy đủ 5 phương thức giao thông, giữ vị trí chiến lược trong kết nối Bắc – Nam và Đông – Tây giữa Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và tiểu vùng Mê Kông. Giai đoạn 2026–2030, dự địa tăng trưởng của ngành xây dựng tập trung vào các dự án **giao thông đường bộ** quy mô lớn, liên vùng như cao tốc Bắc – Nam phía Tây, cao tốc Quy Nhơn – Pleiku – Lê Thanh, hệ thống đường kết nối khu công nghiệp, logistics và cửa khẩu. Cùng với đó là đầu tư hạ tầng hàng không (Cảng Phù Cát, Cảng Pleiku), cảng biển và logistics (Cảng Quy Nhơn, Cảng Phù Mỹ, cảng cạn Lê Thanh, Cụm cảng cạn Tuy Phước), hình thành mạng lưới giao thông đa phương thức liên hoàn. Chủ động nghiên cứu triển khai xây dựng hầm qua đèo Thị Nại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc tăng cường kết nối trực tiếp, liên thông và ổn định giữa đô thị Quy Nhơn và Khu kinh tế Nhơn Hội. Ngoài ra, UBND tỉnh đang phối hợp với Bộ XD định hướng quy hoạch chuẩn bị đầu tư đường sắt đô thị và đường sắt kết nối với các trung tâm đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, quy mô gồm 07 tuyến khoảng 142 km, dự kiến tổng vốn đầu tư 9,6 tỷ đô. **Về hàng không:** Từng bước đầu tư xây dựng, nâng cấp Sân bay Phù Cát trở thành sân bay quốc tế phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của Khu vực miền Trung – Tây Nguyên; nâng cấp Cảng hàng không Pleiku lên quy mô khai thác 4 triệu hành khách/năm đồng thời thúc đẩy hình thành đô thị sân bay và các dịch vụ phụ trợ. **Về cảng biển và logistics:** Đẩy nhanh dự án Bến cảng Phù Mỹ tại Phù Mỹ - Giai đoạn 1, quy mô gồm 02 cầu cảng hàng tổng hợp, container và 01 cầu cảng hàng lỏng/khí, đáp ứng tiếp nhận tàu trọng tải đến 150.000 tấn, quy mô công suất: khoảng 6,45 ÷ 8,25 triệu tấn/năm, dự kiến hoàn thành vào năm 2028, giúp kết nối trực tiếp với Khu công nghiệp Phù Mỹ, hình thành hạt nhân đô thị công nghiệp, khu thương mại tự do – cảng biển hiện đại.

1.2.6. Tình hình thực hiện nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển địa phương

Trong giai đoạn trước đây, cả 02 tỉnh Bình Định và Gia Lai (*trước khi hợp nhất*) không có cơ chế, chính sách đặc thù phát triển địa phương do Quốc hội ban hành.

II. Khó khăn, vướng mắc

- Hạ tầng giao thông liên vùng, hạ tầng khu vực phía Tây, hệ thống thủy lợi còn thiếu và yếu; nhu cầu đầu tư lớn trong khi khả năng cân đối nguồn lực còn hạn chế. Quy mô GRDP còn nhỏ, tích lũy nội bộ thấp, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của doanh nghiệp chưa cao.

- Việc triển khai thực hiện các mục tiêu tăng trưởng cao còn gặp một số khó khăn do năng lực nội tại của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn một số hạn chế nhất định, quy mô doanh nghiệp chủ yếu là nhỏ và vừa, khả năng thích ứng với biến động thị trường chưa cao. Bên cạnh đó, chi phí đầu vào tăng cao trong thời gian gần đây, thị trường tiêu thụ có nhiều biến động, ảnh hưởng đến hoạt động

sản xuất, kinh doanh và khả năng mở rộng đầu tư của doanh nghiệp.

- Các Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trên địa bàn đều là Chi nhánh trực thuộc (*không có Hội sở chính tại địa phương*) nên việc quyết định các điều kiện, chính sách cho vay (*hồ sơ, điều kiện, thủ tục, tài sản thế chấp, vốn đối ứng...*) hầu hết không thể tự chủ mà phải tuân thủ theo quy định của Hội sở chính, ảnh hưởng đến việc triển khai một số nhiệm vụ (đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện cho vay, miễn/giảm mức lãi suất, phí dịch vụ,...) để phù hợp, đáp ứng tình hình thực tế tại địa phương.

- Việc xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ số, khởi nghiệp sáng tạo và thu hút các dự án công nghệ số, bán dẫn còn mới, cần nhiều thời gian nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm để bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ số, đặc biệt là các lĩnh vực như bán dẫn, thiết kế chip còn hạn chế, gây khó khăn trong thu hút và triển khai các dự án công nghệ cao trên địa bàn.

- Trong giai đoạn đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, khối lượng công việc lớn, yêu cầu nhiệm vụ cao trong khi tổ chức bộ máy và cơ chế phân cấp, phân quyền còn nhiều thay đổi đã gây áp lực đáng kể cho các cơ quan, đơn vị, nhất là cấp xã. Nguồn nhân lực còn thiếu và chưa đồng đều về chất lượng, đặc biệt ở các lĩnh vực chuyên sâu như đất đai, môi trường... làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thực hiện nhiệm vụ.

B. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC QUY NHƠN - PLEIKU THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 219/2025/QH15 NGÀY 27/6/2025 CỦA QUỐC HỘI

I. Thông tin chung dự án

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku.

2. Phạm vi đầu tư: Điểm đầu tại Quốc lộ 19B (*khoảng lý trình Km39+200/Quốc lộ 19B*) thuộc địa phận phường An Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai; điểm cuối tại đường Hồ Chí Minh (*khoảng lý trình Km1606+770/đường Hồ Chí Minh*) thuộc địa phận phường Hội Phú, tỉnh Gia Lai. Tổng chiều dài khoảng 125km.

3. Quy mô đầu tư, tiêu chuẩn kỹ thuật

3.1. Quy mô đầu tư: Quy mô đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch được duyệt với quy mô 04 làn xe, Bnền = 24,75m. Cụ thể: Mặt đường xe chạy: Bmặt = 3,75m x 2 x 2 bên = 15,0m; Dải phân cách Bpc = 0,75m; Dải an toàn Bat = 2 x 0,75m = 1,5m; Làn dừng xe khẩn cấp: Bdxkc = 2 x 3,0m = 6,0m; Lề đất: Blề = 2 x 0,75m = 1,5m.

3.2. Tiêu chuẩn kỹ thuật: đáp ứng tiêu chuẩn đường cao tốc cấp 100, tương ứng với vận tốc thiết kế $V_{tk} = 100$ km/h theo QCVN 117:2024/BGTVT - Quy chuẩn quốc gia về đường bộ cao tốc và tiêu chuẩn TCVN 5729:2012 - Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế.

4. Hình thức đầu tư dự án: Đầu tư công.

5. Tổng mức đầu tư, nguồn vốn và dự kiến kế hoạch bố trí vốn.

5.1. Tổng mức đầu tư khoảng: **43.734 tỷ đồng**.

5.2. Nguồn vốn và dự kiến kế hoạch bố trí vốn:

- Nguồn vốn: Dự án đề xuất sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước từ các nguồn sau:

+ Nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025: (i) Nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước năm 2024: 100 tỷ đồng; (ii) Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2025 của UBND tỉnh Gia Lai: 797,5 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến khoảng 42.836,5 tỷ đồng, trong đó: (i) Nguồn vốn ngân sách địa phương là 452,5 tỷ đồng; (ii) Nguồn vốn ngân sách trung ương dự kiến khoảng 42.384 tỷ đồng.

6. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2025 - 2029.

7. Phân chia các Dự án thành phần và tổ chức thực hiện:

TT	Tên dự án	Chiều dài dự kiến (km)	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)			Chủ đầu tư
			Chi phí xây dựng	Chi phí khác	TMĐT	
1	Dự án thành phần 1	22	4.451	2.538	6.989	Ban QLDA các công trình Giao thông và Dân dụng tỉnh Gia Lai
2	Dự án thành phần 2	68	21.556	6.020	27.576	
3	Dự án thành phần 3	35	5.955	3.214	9.169	Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai
Tổng cộng		125	31.962	11.772	43.734	

8. Nghị quyết triển khai dự án:

Nghị quyết số 219/2025/QH15 ngày 27/6/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư dự án và Nghị quyết số 336/NQ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ triển khai Nghị quyết của Quốc hội.

9. Tiến độ thực hiện dự án theo Nghị quyết của Chính phủ:

- Quốc hội thông qua Nghị quyết phê duyệt Chủ trương đầu tư: 27/6/2025;

- Chính phủ thông qua Nghị quyết triển khai Nghị quyết phê duyệt Chủ trương đầu tư 18/10/2025;

- Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Lập thiết kế kỹ thuật, tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp và phân đấu khởi công Dự án trong tháng 12 năm 2025 (riêng Dự án thành phần 2 khởi công trong quý II năm 2026);

- Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: từ Quý III năm 2025;

- Hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng: năm 2029.

II. Tình hình thực hiện:

1. Tình hình thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng:

1.1. Đối với Dự án thành phần 1 và Dự án thành phần 3: Đã tổ chức khởi công Dự án vào ngày 19/12/2025.

1.2. Đối với Dự án thành phần 2:

a) Công tác khảo sát, lập BCNCKT, ĐTM:

- Ngày 31/12/2025, UBND tỉnh Gia Lai đã phê duyệt hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án tại quyết định số 3373/QĐ-UBND.

- Ngày 30/01/2026, UBND tỉnh đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tại Quyết định số 426/QĐ-UBND.

b) Công tác lập Hồ sơ TKKT: Ngày 16/3/2026, Ban QLDA đã trình Cục Đường bộ Việt Nam - Bộ Xây dựng thẩm định thiết kế kỹ thuật (TKKT) các gói thầu xây lắp XL.02, XL.03, XL.04. Ngày 10/4/2026, Cục Đường bộ Việt Nam đã có báo cáo thẩm định gói thầu xây lắp XL.03, ngày 06/5/2026 đã phê duyệt Hồ sơ TKKT; phân đấu hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu xây lắp, TVGS và khởi công trong tháng 5/2026. Các gói thầu xây lắp XL.02 và XL.04: thẩm định, phê duyệt TKKT trước ngày 30/5/2026, hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu xây lắp, TVGS và khởi công trong tháng 6/2026. Riêng gói thầu xây lắp XL.01 do công tác khảo sát gặp nhiều khó khăn, dự kiến trình thẩm định TKKT trước ngày 15/5/2026, phân đấu khởi công vào đầu tháng 7/2026.

2. Tình hình thực hiện dự án

2.1. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và di dời công trình hạ tầng kỹ thuật:

2.1.1. Quy mô ảnh hưởng đoạn tuyến chính

a) *Dự án thành phần 1:* Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi khoảng 179,498ha/1.550 hộ + 08 tổ chức; dự kiến số hộ cần bố trí tái định cư khoảng 378 hộ, tổng số mồ mã cần di dời khoảng 3.028 mộ.

b) *Dự án thành phần 2*: Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi khoảng 576,77ha/1.712 hộ + 11 tổ chức; dự kiến số hộ cần bố trí tái định cư khoảng 119 hộ, tổng số mồ mã cần di dời khoảng 561 mộ.

c) *Dự án thành phần 3*: Tổng diện tích đất dự kiến thu hồi khoảng 340,83ha/1.601 hộ; dự kiến số hộ cần bố trí tái định cư khoảng 123 hộ.

2.1.2. Công tác thực hiện bồi thường, hỗ trợ và TĐC đối với tuyến chính

Các Ban QLDA đã chủ động, tích cực phối hợp, bám sát và hỗ trợ các địa phương triển khai công tác GPMB. Các địa phương đã thành lập Ban chỉ đạo, Hội đồng bồi thường, Tổ công tác và Hội đồng thẩm định giá đất, ban hành kế hoạch GPMB, tổ chức họp dân và niêm yết thông báo thu hồi đất, tổ chức kiểm đếm, phê duyệt phương án bồi thường và bàn giao mặt bằng một số vị trí thuận lợi để triển khai thi công trước, đến nay kết quả đạt được như sau:

- **Dự án thành phần 1**: Tổng số hộ đã kiểm đếm: 1.550/1.550 hộ; Đã phê duyệt phương án cho 1.313/1.550 hộ và đã chi trả 1.084/1.550 hộ; Đã chi trả mồ mã 2.931/3.028 mộ. Đã bàn giao mặt bằng **138,21ha/179,498ha** với chiều dài khoảng **17,05Km/22Km**, đạt tỷ lệ 77,3%.

- **Dự án thành phần 2**: Đã kiểm đếm 1.619/1.712 hộ; Đã thực hiện xác nhận nguồn gốc đất 1.132 hộ; Đã phê duyệt 635 hộ; Đã thực hiện chi trả mồ mã 95 mộ.

- **Dự án thành phần 3**: Tổng số hộ đã kiểm đếm 1.601/1.601 hộ; đã phê duyệt phương án cho 1.376/1.601 hộ; đã chi trả 1.152/1.601 hộ. Đã bàn giao mặt bằng **245,43ha/340,83ha**, với chiều dài khoảng **25,03km/34,85km**; đạt tỷ lệ 72%.

2.1.3. Công tác xây dựng và GPMB các khu tái định cư

Đầu tư xây dựng 12 Khu tái định cư phục vụ Dự án (*trong đó: Dự án thành phần 1: đầu tư xây dựng 06 khu; Dự án thành phần 2: đầu tư xây dựng 02 khu, Dự án thành phần 3: đầu tư xây dựng 04 khu*). Hiện nay, 10 khu Trà Sơn, Kiên Long, Trường Định 2, Thuận Đức, Thuận Hòa, Phú Lạc, Khu OQH 15 và 03 khu tái định cư đoạn qua địa bàn xã Ia Bông đã ký kết hợp đồng xây lắp và đang triển khai thi công; Khu Hòa Sơn đang hoàn thiện hồ sơ TKBVTC-DT để phê duyệt và tổ chức lựa chọn nhà thầu; Khu Thượng Giang 2 đang hoàn thiện hồ sơ BCNCKT theo các ý kiến của Sở Xây dựng để trình thẩm định lại, dự kiến trong tháng 6/2026 cơ bản xây dựng hoàn thành các khu tái định cư và giao đất để người dân xây dựng nhà ở.

2.1.4. Công tác cải táng mồ mã: Việc di dời mồ mã sẽ được cải táng vào các nghĩa trang hiện hữu sẵn có tại địa phương.

2.2. Tình hình thi công

2.2.1. Đối với Dự án thành phần 1:

Dự án gồm 02 gói thầu xây lắp với tổng giá trị: 4.838,94 tỷ đồng (trong đó: gói thầu XL.01 có giá trị 2.801,85 tỷ đồng do Liên danh Tổng công ty xây dựng

Trường Sơn - Công ty cổ phần xây dựng công trình 510 thực hiện, gói thầu XL.02 có giá trị 2.037,09 tỷ đồng do Liên danh Công ty Cổ phần tập đoàn Phúc Lộc - Công ty Cổ phần tập đoàn Trí Nam thực hiện); tiến độ thực hiện 34 tháng từ tháng 12/2025 đến tháng 10/2028.

+ Gói thầu XL.01: đang thi công kết cấu phần dưới, triển khai đúc dầm các cầu: An Nhơn (Km0+847), An Nhơn 1 (Km1+233), An Nhơn 4 (Km3+546); thi công nền đường đoạn Km0+000 - Km4+700; thi công đúc dầm cầu vượt cao tốc Bắc - Nam; thi công các cầu kiện đúc sẵn. Giá trị thực hiện đến nay ước đạt **55 tỷ đồng**.

+ Gói thầu XL.02: đang thi công kết cấu phần dưới và đúc dầm các cầu: Gò Cây 1 (Km14+269), Gò Cây 2 (Km14+949,5), Hà Nhe (Km18+513), Sông Kôn (Km19+514); thi công nền đường đoạn Km12+000 – Km12+400; Km21+500 – Km22+000 và thi công các cầu kiện đúc sẵn. Giá trị thực hiện đến nay ước đạt **80 tỷ đồng**.

2.2.2. Đối với Dự án thành phần 3:

Dự án gồm 02 gói thầu xây lắp với tổng giá trị: 6.394,69 tỷ đồng (trong đó: gói thầu XL.01 có giá trị 2.966,78 tỷ đồng do Liên danh Dacinco - 510 - Thiên Hoàng - Trường Long thực hiện, tiến độ thực hiện 33 tháng từ tháng 02/2026 đến tháng 12/2028; gói thầu XL.02 có giá trị 3.427,91 tỷ đồng do Liên danh Công ty Cổ phần Lizen - Công ty Cổ phần 471 - Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Nam thực hiện, tiến độ thực hiện 36 tháng từ tháng 12/2025 đến tháng 12/2028).

+ Gói thầu XL.01: Các nhà thầu đang thực hiện các công tác chuẩn bị để triển khai thi công. Đang triển khai thi công trạm trộn BTXM tại Km91+200; mặt bằng bãi đúc dầm, đường công vụ cầu Đăk Ayun 1 và cầu Đăk Ayun2, thi công nền đường đoạn Km90 - Km94, Km101-Km105+300;... giá trị thực hiện đến nay ước đạt **25 tỷ đồng**.

+ Gói thầu XL.02: Đang thi công nền đường các đoạn: Km108+000 – Km111+000; Km113+300-Km114+00; Km115+00-Km115+700; Km116+300-Km117+00; Km121+100 - Km124+650; Triển khai thi công cọc khoan nhồi và đúc dầm các cầu: Ia Bãng 1 và Ia Bãng 2; thi công đường công vụ cầu Châm Bôm, cầu Blo 1, cầu ADok1, cầu Trang 2; thi công hầm chui dân sinh và các cầu kiện đúc sẵn;... giá trị thực hiện đến nay ước đạt **165 tỷ đồng**.

III. Khó khăn, vướng mắc:

Hiện nay, tận dụng điều kiện thời tiết nắng ráo thuận lợi, các nhà thầu đang khẩn trương tập trung máy móc, thiết bị, nhân lực, bố trí nhiều mũi thi công nền đường, công trình thoát nước,... nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công. Tuy nhiên, trong thời gian qua giá nhiên vật liệu tăng cao bất thường do ảnh hưởng xung đột chính trị tại Trung Đông. Mặt khác, Trung ương chưa bố trí kế hoạch vốn năm 2026 cho dự án, trong khi đó vốn đối ứng ngân sách địa phương đã giải ngân hết, dẫn tới

công tác tạm ứng, thanh toán cho nhà thầu chưa được kịp thời, nhà thầu khó xoay vòng nguồn vốn trong quá trình triển khai.

C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Đối với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Không.

II. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội: Không.

III. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành

1. Kiến nghị về việc hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh

Hệ thống pháp luật hiện hành vẫn **chưa có quy định đầy đủ, đồng bộ về cơ chế sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất**. Cụ thể, theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, việc sử dụng vốn ngân sách nhà nước để tạo quỹ đất hiện mới được quy định đối với loại hình dự án đầu tư xây dựng hạ tầng nhằm tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất; **chưa có quy định cụ thể đối với hình dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng, chỉ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhằm tạo lập quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất để triển khai các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh**.

Khoảng trống pháp lý nêu trên đã và đang gây khó khăn, lúng túng cho các địa phương trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các dự án tạo quỹ đất sạch, làm ảnh hưởng đến tiến độ chuẩn bị quỹ đất, hạn chế khả năng chủ động thu hút đầu tư và khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai.

Từ thực tiễn đó, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ quan tâm xem xét, chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, ban hành mới hoặc tham mưu sửa đổi, bổ sung các Luật, Nghị định và văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng quy định đầy đủ, cụ thể và đồng bộ về cơ chế tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh.

2. Một số kiến nghị liên quan đến lĩnh vực nông, lâm, thủy sản

2.1. Về hạ tầng thủy lợi, an ninh nguồn nước là điểm nhấn nghiêm trọng:

Tỉnh Gia Lai có trên 763.600 ha đất sản xuất nông nghiệp, tập trung chủ yếu tại khu vực phía Tây (địa bàn tỉnh Gia Lai trước đây). Tuy nhiên, tỷ lệ tưới chủ động chỉ đạt 8,9% (thấp nhất cả nước)⁴. Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Chính phủ (i) quan tâm **hỗ trợ nguồn vốn đầu tư các công trình thủy lợi trọng điểm** tại khu vực

⁴ Khoảng 85% diện tích phụ thuộc vào nước mưa và khai thác nước ngầm; mùa khô kéo dài 5 - 6 tháng/năm, thường xuyên thiếu nước, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống người dân.

phía Tây, nhằm bảo đảm nguồn nước, ổn định sản xuất nông nghiệp đối với Dự án Nâng cấp, sửa chữa đê, kè cấp bách: 950 tỷ đồng (*UBND tỉnh Gia Lai đã có Văn bản số 604/UBND-KTTH ngày 15/01/2026 báo cáo Bộ Tài chính*); đồng thời, (ii) **tăng cường phân cấp, phân quyền trong chỉ đạo, điều hành vận hành hồ chứa thủy lợi, thủy điện**, nhằm đảm bảo việc vận hành liên hồ chứa còn một số bất cập, nhất là trong phối hợp, xử lý tình huống khẩn cấp.

2.2. Về đầu tư hạ tầng nghề cá:

Để đảm bảo ổn định hoạt động neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá, tăng cường quản lý, kiểm soát hoạt động khai thác thủy sản và thực hiện hiệu quả công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), UBND tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 về phê duyệt Đề án phát triển thủy sản bền vững giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2050. Theo đó, tỉnh chủ trương thực hiện di dời, sắp xếp tàu cá từ khu vực cảng cá Quy Nhơn và đầm Đê Gi về khu vực phía Bắc tỉnh (phường Hoài Nhơn Bắc); đồng thời, định hướng đầu tư xây dựng mở rộng Cảng cá Tam Quan kết hợp cảng cá thông minh, gắn với khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, trung tâm logistics thủy sản và trung tâm đầu giá cá ngừ đại dương. Vì vậy, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường quan tâm một số nội dung sau:

- Nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quyết định số 582/QĐ-TTg theo hướng đưa ra khỏi quy hoạch 04 cảng cá gồm: Cảng cá Quy Nhơn, Cảng cá Đê Gi, Cảng cá Vĩnh Lợi và Cảng cá Tân Phụng và bổ sung quy hoạch mở rộng Cảng cá Tam Quan với công suất thủy sản qua cảng từ 40.000 tấn/năm lên 130.000 tấn/năm; mở rộng quy mô khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Tam Quan từ 1.200 tàu lên 3.600 tàu (*UBND tỉnh đã có Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 19/6/2025 về việc điều chỉnh quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu nghề cá tỉnh giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050*).

- Trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án xây dựng Cảng cá thông minh kết hợp khu neo đậu tránh trú bão Tam Quan. Dự án có tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 3.300 tỷ đồng; trong đó kính đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ khoảng 2.000 tỷ đồng, ngân sách địa phương bố trí 500 tỷ đồng và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác khoảng 800 tỷ đồng.

3. Kiến nghị về nguồn lực, tài chính và vốn đầu tư

3.1. Chấp thuận cho tỉnh được nghiên cứu, chuẩn bị triển khai dự án sử dụng vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới:

Ngày 30/01/2026, UBND tỉnh đã có Văn bản số 1324/UBND-XDCT về việc chấp thuận cho tỉnh được nghiên cứu, chuẩn bị triển khai dự án sử dụng vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới. Tuy nhiên, sau khi Chính phủ ban hành các Nghị định số 119/2026/NĐ-CP ngày 03/4/2026, số 84/2026/NĐ-CP ngày 25/3/2026 và Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 997/QĐ-BTC ngày 24/4/2026.

Theo đó, UBND tỉnh Gia Lai đang rà soát và hoàn thiện lại các nội dung đề xuất khoản vay ODA đảm bảo theo quy định tại Luật Quản lý nợ công, Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn Luật, Quyết định số 997/QĐ-BTC nêu trên. Trong đó, tỉnh đã dự kiến tổng mức đầu tư cho 06 dự án theo thứ tự ưu tiên khoảng 9.950 tỷ đồng để kịp thời triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống phòng, chống ngập lụt, lũ quét, hạ tầng giao thông phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Vì vậy, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo Bộ Tài chính phối hợp, hướng dẫn hỗ trợ địa phương hoàn thiện các thủ tục cần thiết để tiếp cận sử dụng vốn vay ODA cho 6 dự án nêu trên.

3.2. Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2030: Căn cứ quy định Trung ương có liên quan; để kịp thời triển khai các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Gia Lai đã chủ động rà soát và đề xuất nhu cầu nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giai đoạn 2026 - 2030 với tổng kinh phí dự kiến rất lớn, hơn 90.000 tỷ đồng. Trong đó, năm 2026 đăng ký vốn ngân sách Trung ương khoảng 2.500 tỷ đồng để thực hiện các Chương trình MTQG. Tuy nhiên, điều kiện địa phương còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn cao và hạ tầng cần sớm được đầu tư, sửa chữa, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo các Bộ ngành chủ quản các Chương trình mục tiêu quốc gia sớm tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phân bổ vốn ngân sách trung ương cho giai đoạn 2026 – 2030 và kế hoạch vốn năm 2026 của các chương trình để các địa phương chủ động triển khai các nhiệm vụ, đảm bảo tiến độ giải ngân và hiệu quả.

(UBND tỉnh Gia Lai đã có Văn bản số 126/UBND-CNXD ngày 06/01/2026 gửi Bộ Xây dựng)

4. Một số kiến nghị liên quan đến quy hoạch, đầu tư hạ tầng, dự án cần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

4.1. Về triển khai các dự án quan trọng quốc gia trong lĩnh vực giao thông

a) Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn – Pleiku

Để đủ điều kiện tổ chức lựa chọn nhà thầu của Dự án thành phần 2 trong quý II/2026 và đảm bảo nguồn lực để triển khai thi công Dự án thành phần 1 và Dự án thành phần 3 theo đúng kế hoạch, UBND tỉnh kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, sớm bố trí nguồn vốn ngân sách Trung ương năm 2026 cho dự án.

b) Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam đoạn qua địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 23/4/2025 của Chính phủ về Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về chủ trương đầu tư dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam; Qua rà soát hướng tuyến Dự án theo hồ sơ tiền khả thi, trước đây UBND tỉnh Gia Lai đã có

Văn bản số 4399/UBND-KT ngày 27/5/2025 và Văn bản số 104/BC-UBND ngày 17/6/2025 kiến nghị Bộ Xây dựng, Ban QLDA Thăng Long (*trước đây là Ban QLDA Đường sắt*) chỉ đạo các đơn vị liên quan tập trung đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành công tác lựa chọn đơn vị Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án; đồng thời, chủ động phối hợp với các địa phương có liên quan đề rà soát, thực hiện phương án điều chỉnh cục bộ hướng tuyến Dự án nhằm hạn chế thấp nhất việc chông lán, ảnh hưởng đối với các quy hoạch đô thị, khu dân cư, khu tái định cư, các dự án trọng điểm của tỉnh, các di tích lịch sử,... với nội dung chính như sau:

- Đề nghị Chủ đầu tư tổ chức làm việc với địa phương trong quá trình nghiên cứu phương án thiết kế chi tiết, hạn chế thấp nhất việc chông lán, ảnh hưởng đối với các quy hoạch đô thị, khu dân cư, khu tái định cư (*vừa được đầu tư xây dựng để phục vụ GPMB dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam*), các dự án trọng điểm của tỉnh; đồng thời, tiến hành khảo sát, đánh giá ảnh hưởng đối với các di tích lịch sử cấp Quốc gia (*Di tích Thành Cha, xã An Nhơn Tây*) và di tích lịch sử cấp tỉnh (*Di tích Ngã Ba Đình, di tích Trận tập kích trụ sở nguy quyền năm 1961 trên địa bàn phường Hoài Nhơn Bắc*), để thuận lợi trong việc triển khai dự án. Trong đó, đoạn từ Km886+000 (*phường Hoài Nhơn Bắc*) đến Km903+500 (*thuộc phường Quan*) ảnh hưởng nhiều đến khu dân cư hiện trạng, các khu tái định cư đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông vừa mới xây dựng xong đã bố trí tái định cư cho người dân và các di tích lịch sử (*Di tích Ngã Ba Đình và di tích Trận tập kích trụ sở nguy quyền năm 1961 trên địa bàn phường Hoài Nhơn Bắc*); đoạn tuyến đi qua địa phận thôn Đại Thuận, xã Phù Mỹ Nam cắt ngang qua khu tái định cư thôn Đại Thuận (*giai đoạn 1*) vừa mới xây dựng để bố trí tái định cư các hộ dân bị ảnh hưởng GPMB thực hiện dự án Đường bộ Cao tốc Bắc – Nam; đoạn tuyến đi qua địa bàn xã Tuy Phước Tây hiện nay ảnh hưởng rất lớn đến cụm công nghiệp Tây Hoàng Giang (66ha), giải tỏa trắng khu tái định cư Xóm 3 Bình An 1 – xã Tuy Phước Tây (3ha) thuộc dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông vừa mới xây dựng xong, chiếm dụng rất lớn tới phần đất đã giải phóng mặt bằng dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2, giải tỏa các khu dân cư dày đặc thuộc xã Tuy Phước Tây đã hình thành.

- Chỉ đạo đơn vị Tư vấn cập nhật đầy đủ hướng tuyến của Dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông qua địa bàn tỉnh, hiện đang triển khai thi công xây dựng, xác định phạm vi chông lán để điều chỉnh hướng tuyến dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam cho phù hợp, cụ thể như: đoạn từ Km953+500 đến Km962+000 và phạm vi bố trí ga Diêu Trì, . . .

(UBND tỉnh Gia Lai đã có Công văn số 5604/UBND-XDCT ngày 06/5/2026 gửi Bộ Xây dựng, Ban QLDA Thăng Long)

4.2. Thực hiện công tác quy hoạch, nâng cấp Cảng hàng không Pleiku

Thực hiện Quyết định số 1108/QĐ-BGTVT ngày 05/9/2024 của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ xây dựng) về việc phê duyệt Quy hoạch Cảng hàng không

Pleiku thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh Gia Lai đã có Văn bản số 1809/UBND-CNXD ngày 20/6/2025 gửi Bộ Xây dựng đề nghị quan tâm, chỉ đạo sớm triển khai cấm mốc giới Cảng hàng không Pleiku, để triển khai công tác quản lý quy hoạch. Tuy nhiên, đến nay công tác cấm mốc giới quy hoạch Cảng hàng không Pleiku chưa được triển khai thực hiện. Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo Bộ Xây dựng quan tâm, **thực hiện công tác cấm mốc giới** theo quy hoạch Cảng hàng không Pleiku đã được phê duyệt để bàn giao cho địa phương quản lý; đồng thời, **sớm triển khai thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư** dự án nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Pleiku theo quy hoạch.

4.3. Đầu tư xây dựng mở rộng Đường Hồ Chí Minh đoạn nối xã Chư Păh - phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai (Km1585+600-Km1593)

Đường Hồ Chí Minh đoạn nối xã Chư Păh đến Phường Thống Nhất có chiều dài đoạn tuyến 7,4km. Việc đầu tư nâng cấp hoàn thiện tuyến đường là cần thiết, đảm bảo sự phù hợp phát triển của mạng lưới giao thông liên kết vùng, góp phần hoàn thành mục tiêu theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021.

Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo Bộ Xây dựng quan tâm **đầu tư xây dựng mở rộng Đường Hồ Chí Minh đoạn nối xã Chư Păh - phường Thống Nhất**, tỉnh Gia Lai, đồng bộ với quy mô đoạn từ Phường Thống Nhất đến trung tâm Phường Pleiku (nền đường rộng 35m).

4.4. Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Pleiku - Lệ Thanh

Căn cứ nhu cầu phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, thúc đẩy liên kết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, tăng cường giao thương quốc tế qua Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh kết nối với 3 tỉnh Đông Bắc Campuchia; việc đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Pleiku – Lệ Thanh (tiếp nối tuyến cao tốc Quy Nhơn – Pleiku) có chiều dài khoảng 75km, đóng vai trò quan trọng, góp phần hình thành trục giao thông chiến lược Đông – Tây, kết nối liên thông tuyến cao tốc Quy Nhơn – Pleiku – Lệ Thanh là rất cần thiết. Kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo Bộ Xây dựng quan tâm, **đề xuất chấp thuận chủ trương nghiên cứu, bổ sung tuyến cao tốc Pleiku – Lệ Thanh vào quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc quốc gia**; đồng thời tạo điều kiện, hỗ trợ tinh trong quá trình chuẩn bị đầu tư, sớm triển khai dự án theo quy định.

4.5. Hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn liên quan đến việc triển khai dự án Tổ hợp sản xuất tái chế vải polyester của Công ty Syre Impact AB (Thụy Điển)

Dự án Tổ hợp sản xuất tái chế vải polyester do Công ty Syre Impact AB (Thụy Điển) làm chủ đầu tư, triển khai tại Khu kinh tế Nhơn Hội⁵. Đây là dự án có quy mô rất lớn, góp phần đáng kể cho kinh tế địa phương; tuy nhiên, trong quá trình

⁵ Với tổng vốn đầu tư khoảng 24.970 tỷ đồng (tương đương 1 tỷ USD), diện tích sử dụng đất khoảng 28,77 ha, dự kiến vận hành năm 2028

triển khai dự án hiện còn vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan nhập khẩu nguyên liệu phế liệu dệt may (mã HS 6310). Do đó, kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, **đồng ý về mặt chủ trương cho phép nhà đầu tư được phép nhập khẩu phế liệu dệt may (mã HS 6310) làm nguyên liệu sản xuất của Dự án** khi Nhà đầu tư hoàn thành nhà máy, sản xuất thử nghiệm từ nguyên liệu trong nước đạt yêu cầu, đảm bảo về công nghệ, môi trường và các vấn đề khác có liên quan dự án theo quy định. Đồng thời, chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, có văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền về **phương án, lộ trình phù hợp nhằm tháo gỡ các vướng mắc pháp lý liên quan đến việc nhập khẩu phế liệu dệt may (mã HS 6310) làm nguyên liệu sản xuất**, bảo đảm điều kiện triển khai Dự án theo kế hoạch và xây dựng bộ tiêu chí cho phế liệu dệt may nhập khẩu để kiểm soát hoạt động nhập khẩu, đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và quản lý ngoại thương theo quy định của pháp luật.

4.6. Về liên kết vùng và hợp tác quốc tế

Sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Gia Lai có không gian phát triển trải dài từ Tây Nguyên đến duyên hải, là một trong những địa phương giữ vai trò kết nối giữa vùng Tây Nguyên với khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, các cảng biển, cửa khẩu quốc tế và khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia. Tuy nhiên, hiện nay cơ chế điều phối, liên kết vùng và hợp tác liên địa phương còn thiếu tính đồng bộ, chưa phát huy đầy đủ tiềm năng, lợi thế của không gian phát triển mới.

Từ thực tiễn đó, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế liên kết vùng và hợp tác quốc tế đối với khu vực Tây Nguyên - Duyên hải Nam Trung Bộ, trong đó:

- **Nghiên cứu xây dựng cơ chế điều phối vùng liên ngành, liên địa phương** đối với các lĩnh vực có tính chất liên kết cao như quy hoạch không gian phát triển, quản lý tài nguyên nước, ứng phó thiên tai, phát triển logistics, cảng biển, cảng hàng không, hạ tầng nghề cá và chuỗi cung ứng nông nghiệp - công nghiệp chế biến - xuất khẩu.

- **Hỗ trợ hình thành cơ chế phối hợp phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây** khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ - Tây Nguyên gắn với hệ thống cảng biển, cửa khẩu quốc tế, trung tâm logistics và vùng nguyên liệu, tạo điều kiện phát huy vai trò kết nối giữa khu vực Tây Nguyên với biển Đông và các nước tiểu vùng sông Mê Kông.

- **Quan tâm thúc đẩy hợp tác trong khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia**; nghiên cứu cơ chế thuận lợi hóa thương mại biên giới, kết nối logistics, du lịch và lưu thông hàng hóa qua Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh nhằm mở rộng không gian phát triển và tăng cường liên kết kinh tế khu vực.

- **Hỗ trợ xây dựng cơ chế huy động và điều phối các nguồn lực quốc tế**, vốn ODA và các chương trình hợp tác phát triển vùng cho khu vực Tây Nguyên -

Duyên hải Nam Trung Bộ, nhất là trong các lĩnh vực thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế tuần hoàn và hạ tầng liên kết vùng.

- Ban hành cơ chế liên kết phát triển Vùng theo hướng quản lý thống nhất không gian phát triển, tăng cường phối hợp liên tỉnh trong giải quyết các vấn đề mang tính liên Vùng như hạ tầng, môi trường, tài nguyên nước, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển theo chuỗi giá trị, chuỗi ngành hàng, hàng lang kinh tế theo trục dọc ven biển và các hành lang Đông Tây kết nối ven biển – cao nguyên cửa khẩu.

Trên đây là nội dung báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và các nghị quyết của Quốc hội, gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng 02 con số; tình hình triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn - Pleiku./.
